

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.4%	-0.5%	6.4%

	Q2/25	
ROE	6.7%	+/- YoY ▲ 0.1%

	Q2/25		
DT thuần	236	QoQ ▲ 64.0 ▲ 37.1%	YoY ▼ 3.00 ▼ 1.4%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
DT thuần	407	YoY ▼ 11.0 ▼ 2.5%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN gộp	10.7	QoQ ▲ 13.3 ▲ 510%	YoY ▼ 5.70 ▼ 34.6%
	tỷ VNĐ		

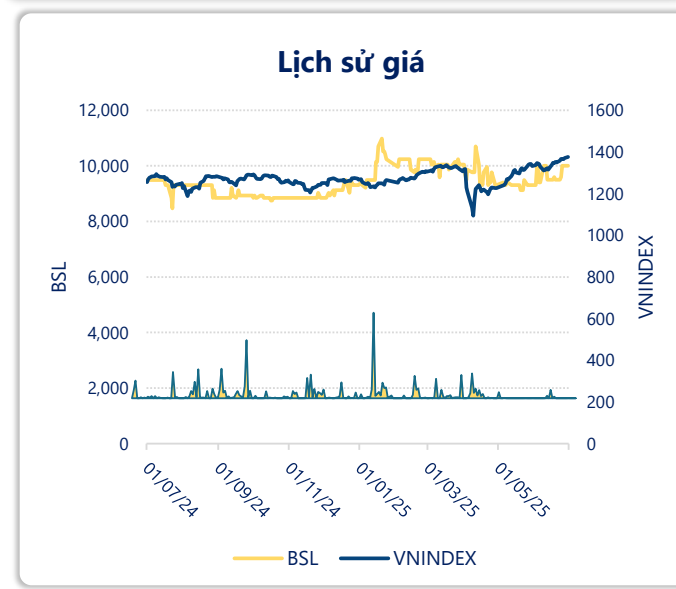
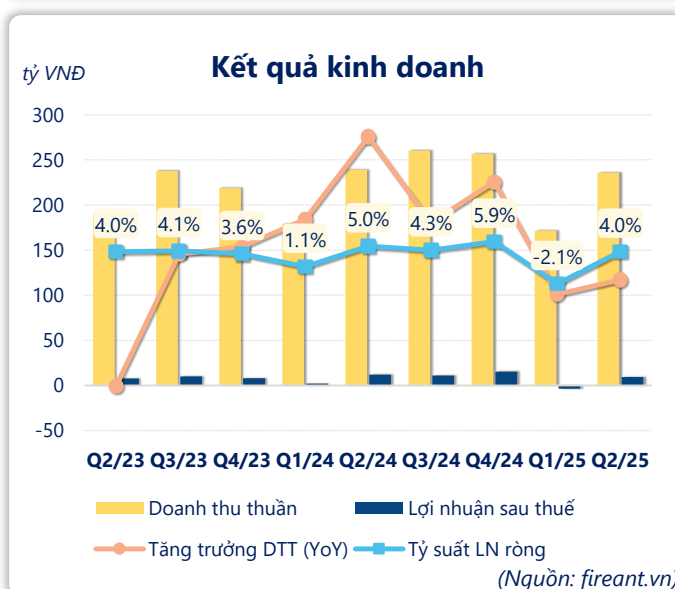
	6T 2025	
LN gộp	8.11	YoY ▼ 12.7 ▼ 61.0%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN thuần	10.9	QoQ ▲ 14.5 ▲ 402%	YoY ▼ 4.20 ▼ 27.9%
	tỷ VNĐ		

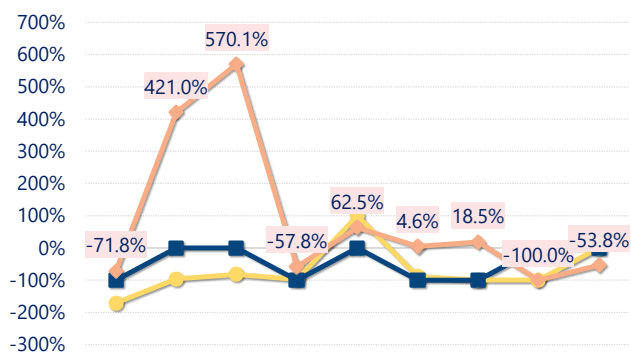
	6T 2025	
LN thuần	7.29	YoY ▼ 10.3 ▼ 58.6%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN sau thuế	9.47	QoQ ▲ 13.1 ▲ 360%	YoY ▼ 2.53 ▼ 21.1%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
LN sau thuế	5.83	YoY ▼ 8.27 ▼ 58.7%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

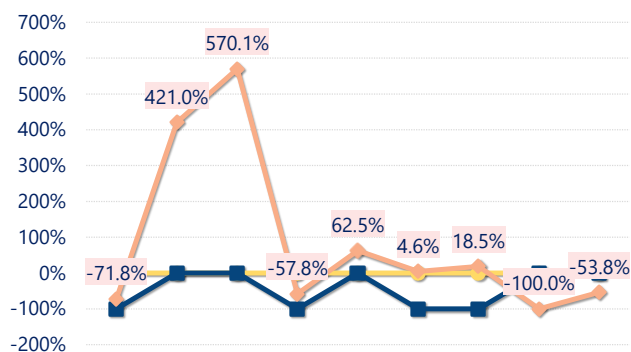


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

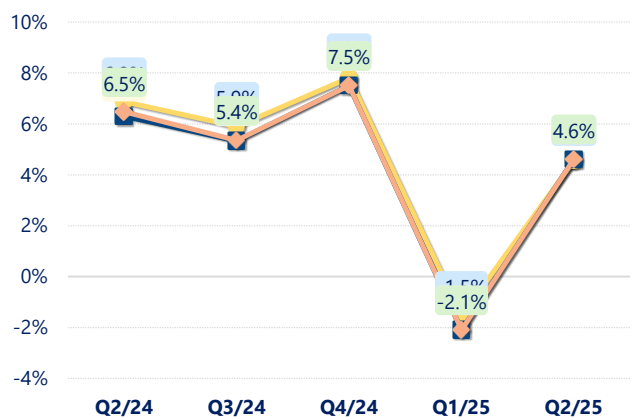


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

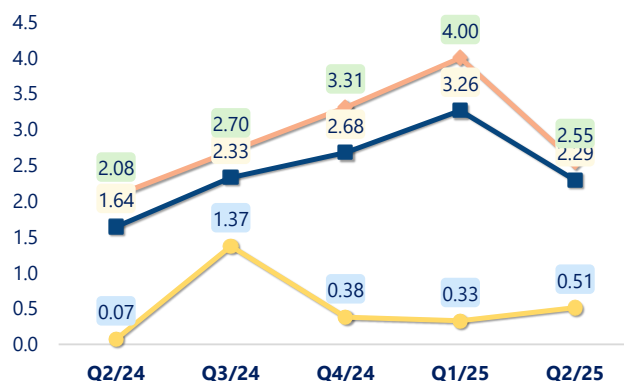


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ suất LN góp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

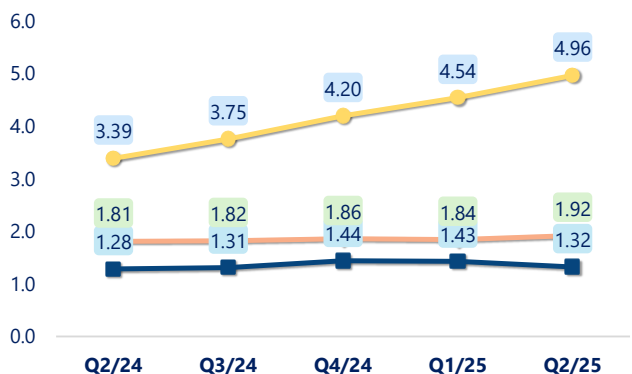


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

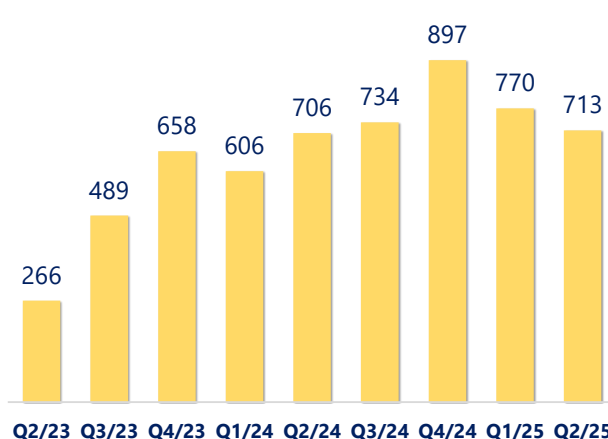


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	236	239	-1.4%	407	418	-2.5%
Giá vốn hàng bán	225	223	0.9%	399	397	0.5%
Lợi nhuận gộp	10.7	16.4	-34.6%	8.11	20.8	-61.0%
Doanh thu HĐTC	3.64	2.63	38.2%	6.58	5.78	13.9%
Chi phí TC	0	0.42	-100%	0.00	0.93	-99.5%
Chi phí lãi vay	0	0.42	-100%	0.00	0.93	-99.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.05	0.32	-84.8%	0.28	0.56	-49.9%
Chi phí QLDN	3.43	3.26	5.2%	7.12	7.46	-4.6%
LN thuần từ HĐKD	10.9	15.1	-27.9%	7.29	17.6	-58.6%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	0.00	-224%
LN trước thuế	10.9	15.1	-27.9%	7.28	17.6	-58.7%
Lợi nhuận sau thuế	9.47	12.0	-21.1%	5.83	14.1	-58.7%
LNST của CĐ cty mẹ	9.47	12.0	-21.1%	5.83	14.1	-58.7%

(Nguồn: fireant.vn)

